

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Xây dựng công trình Thủy lợi - Thủy điện

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Hoàng Ngọc Tuấn

2. Ngày tháng năm sinh: 05/11/1974; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 297/81 phố Trần Cung, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Hoàng Ngọc Tuấn, Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên - số 132 đường Đống Đa, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0913545346;

E-mail: tuan.vientlmttn@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 08,1997 đến tháng, năm 03,1999: Cán bộ tại Trường Đại học Thủy lợi

Từ tháng, năm 03,1999 đến tháng, năm 04,2006: Nghiên cứu viên tại Công ty Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Thủy lợi - Viện Khoa học Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Từ tháng, năm 05,2006 đến tháng, năm 05,2007: Trưởng phòng Công trình thủy tại Trung tâm Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên – Viện Khoa học Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Từ tháng, năm 06,2007 đến tháng, năm 08,2008: Phó Giám đốc tại Trung tâm Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên – Viện Khoa học Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Từ tháng, năm 09,2008 đến tháng, năm 10,2013: Phó Viện trưởng tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và

Tây Nguyên - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Từ tháng, năm 11,2013 đến tháng, năm 06,2022: Viện trưởng tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chức vụ hiện nay: Viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Địa chỉ cơ quan: 132 Đống Đa, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan: 02363537076

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Thủy lợi, Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng DH [3] ngày 06 tháng 06 năm 1997, số văn bằng: 28638, ngành: Thủy lợi,

chuyên ngành: Thủy nông; Nơi cấp bằng DH [3] (trường, nước): Đại học Thủy lợi

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 19 tháng 07 năm 2005, số văn bằng: 0181/CH, ngành: Thủy lợi,

chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi

- Được cấp bằng TS [5] ngày 20 tháng 03 năm 2013, số văn bằng: 001763, ngành: Thủy lợi,

chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: Nghiên cứu giải pháp đảm bảo an toàn cho công trình hồ đập, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển và công trình phòng chống thiên tai khác.

- Hướng nghiên cứu thứ hai: Nghiên cứu dự báo, cảnh báo nguồn nước mặt các lưu vực sông, hồ chứa và đề xuất giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý, an toàn và hiệu quả phục vụ sản xuất và dân sinh trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Hướng nghiên cứu thứ ba: Nghiên cứu giải pháp và công nghệ cấp nước biển phục vụ nuôi trồng thủy sản khu vực Nam Trung Bộ.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 8 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Nhà nước; 1 cấp Cơ sở; 5 cấp Khác;
- Đã công bố (số lượng) 31 bài báo khoa học, trong đó 1 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 2 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Huân chương Lao động hạng Ba	Nhà nước	2022
2	Bằng khen của Bộ trưởng	Cấp Bộ	2020
3	Chiến sỹ thi đua Cấp Bộ	Cấp Bộ	2019
4	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Chính phủ	2014
5	Bằng khen của Bộ trưởng	Cấp Bộ	2010
6	Bằng khen của Bộ trưởng	Cấp Bộ	2008
7	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	2020
8	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	2019
9	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	2018
10	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	2014
11	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	2013

12	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	2012
----	----------------------------	---------------------------------	------

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Căn cứ vào tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo được quy định trong Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg, ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ; các Nghị định, Thông tư liên quan; ứng viên nhận thấy có đủ điều kiện đăng ký xét công nhận đạt chuẩn chức danh Phó giáo sư ngành Thủy lợi năm 2022, điều đó thể hiện qua:

- Tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng, đam mê và nghiêm túc trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Thực hiện đầy đủ và hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy tại cơ sở giáo dục.

- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ của cơ sở giáo dục.

- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học.

- Tôi được đào tạo chính quy về mặt chuyên môn, được công tác trong cơ quan khoa học đầu ngành về thủy lợi, bản thân không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy; phương pháp nghiên cứu khoa học; không ngừng cập nhật, áp dụng những kết quả nghiên cứu khoa học vào giảng dạy cũng như thực tế sản xuất.

- Tôi đảm bảo sức khỏe để hoàn thành tốt nhiệm vụ công giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tích cực tham gia hướng dẫn học viên cao học; đào tạo, tập huấn cho cán bộ khoa học của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, của ngành thủy lợi về phương pháp nghiên cứu khoa học về kỹ thuật thủy lợi và phòng chống thiên tai.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 9 năm 0 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

--

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016 - 2017			5				0/307/135
2	2017 - 2018				1	96.5		96,5/273,5/135
3	2018 - 2019			1				0/189/135
03 năm học cuối								
4	2019 - 2020			1			70	70/161/135
5	2020 - 2021			1		21	80.25	101,25/149,25/135
6	2021-2022						139.32	139,32/139,32/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Đáp ứng theo yêu cầu tại Điều 2, mục 5.đ của Quyết định số 37/2018/QĐ-

TTg của Thủ tướng chính phủ: Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng nhận Cambridge Assessment English

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Ngọc Tân		X	X		08/2016 đến 02/2017	Trường Đại học Thủy lợi	16/05/2017
2	Trà Vũ Quốc Tuấn		X	X		08/2016 đến 02/2017	Trường Đại học Thủy lợi	16/05/2017
3	Lê Văn Tuyền		X	X		08/2016 đến 02/2017	Trường Đại học Thủy lợi	16/05/2017

4	Nguyễn Ngọc Vinh		X	X		08/2016 đến 02/2017	Trường Đại học Thủy lợi	16/05/2017
5	Phạm Hồng Lợi		X	X		01/2017 đến 07/2017	Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	18/02/2019
6	Võ Quốc Hùng		X	X		12/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	26/11/2019
7	Nguyễn Tuấn Anh		X	X		04/2020 đến 11/2020	Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	03/02/2021
8	Đặng Thị Nga		X	X		04/2020 đến 11/2020	Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	03/02/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Giáo trình Tổ chức và Quản lý thi công	TK	Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật. ISBN: 978-604-67-2316-5, năm 2022	4	CB	(Biên soạn chương 1 (trang 7-21), chương 6 (trang 95-118) và mục 4.5 chương 4 (trang 51-56)	91/GXN-VMTTN ngày 18/06/2022

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ([1])

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu giải pháp tiêu năng giảm sóng cho công trình đê biển bằng Thềm giảm sóng	CN	Cấp cơ sở, cấp Cơ sở	01/01/2009 đến 30/12/2010	15/12/2010/ Khá
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Nghiên cứu giải pháp và công nghệ cấp nước mặn phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Nam Trung Bộ	CN	ĐTĐL.CN-13/16, cấp Nhà nước	01/06/2016 đến 31/12/2019	31/12/2019/ Đạt
3	Nghiên cứu đánh giá rủi ro ngập lũ tại các ngầm tràn khu vực miền Trung và đề xuất hệ thống cảnh báo sớm	TK	KC.08.03/16-20, cấp Nhà nước	30/09/2016 đến 29/03/2020	14/9/2020/ Đạt
4	Nghiên cứu sử dụng tổng hợp nguồn nước các hồ đập phục vụ chiến lược phát triển kinh tế xã hội của TP Đà Nẵng trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng	CN	Số 18/HĐ-SKHCN, Cấp Thành phố, cấp Khác	19/11/2013 đến 31/10/2015	17/05/2016/ Khá
5	Ứng dụng bộ công cụ dự báo lũ và cảnh báo ngập lụt sau hạ du do xả lũ gây ra cho hồ chứa thủy lợi vừa và nhỏ ở khu vực tỉnh Đắk Lắk	CN	Số 18/HĐTK-ĐTĐL, Cấp Tỉnh, cấp Khác	07/12/2016 đến 31/03/2017	21/04/2017/ Khá

6	Đánh giá khả năng cung cấp nước mặt của hệ thống sông, suối và hồ đập phục vụ nông nghiệp tại các vùng có nguy cơ hạn hán cao của tỉnh Đắk Lắk	CN	Số 670/HĐ-SKHCN, Cấp Tỉnh, cấp Khác	29/11/2017 đến 31/10/2019	11/12/2019/ Đạt
7	Một số giải pháp dự báo, cảnh báo sớm và phòng chống sạt lở đất phục vụ bố trí dân cư ở 3 huyện Nam Trà My, Bắc Trà My, Phước Sơn tỉnh Quảng Nam	CN	Số 30/HĐ-SKHCN, Cấp Tỉnh, cấp Khác	25/04/2019 đến 30/11/2021	21/01/2022/ Đạt
8	Nghiên cứu giải pháp và kế hoạch sử dụng nguồn nước các hồ chứa để chủ động cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh của thành phố Đà Nẵng trong điều kiện thời tiết cực đoan	CN	Số 49/HĐ-SKHCN, Cấp Thành phố, cấp Khác	24/12/2018 đến 31/12/2020	07/01/2021/ Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								

Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ

1	Phương pháp xác định hình dạng và tỷ lệ bồi bờ biển do xây dựng đê chắn sóng ven biển	3	Không	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ISSN 0866-7020			75-78	06/2006
2	Tác dụng của thêm giảm sóng trong công trình đê biển ở các tuyến đê quan trọng	2	Không	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ISSN 0866-7020			Số 108 + 10910/2007,11/2007 45-47	
3	Nghiên cứu tác dụng giảm sóng leo trên mái đê biển khi sử dụng kết cấu lát dạng khối chữ nhật khoét lõm	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, Trường Đại học Thủy lợi ISSN 1859-3941			Số 34, 32-37	09/2011
4	Nghiên cứu áp lực sóng dội lên mái đê biển khi có thêm giảm sóng	2	Không	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, Trường Đại học Thủy lợi ISSN 1859-3941			Số 34, 62-68	09/2011

5	Khả năng ứng dụng hệ thống bề sóng triều kết hợp trong nghiên cứu ổn định vật thể nổi	4	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 5+6, 5-10	12/2011
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
6	Nghiên cứu phương án bố trí công trình tràn có năng lực xả lũ vượt thiết kế cao cho các hồ chứa nước đã xây dựng.	3	Không	Tuyển tập KHCN 2009 -2014			474 - 481	11/2014
7	Ảnh hưởng của thêm giảm sóng đến chiều cao sóng leo lên mái đê biển	2	Không	Tuyển tập KHCN 2009 -2014			482- 490	11/2014

8	Đánh giá tài nguyên nước mặt mùa kiệt thành phố Đà Nẵng khi có xét đến khai thác nước của các công trình thủy điện, thủy lợi của thượng nguồn sông Vu Gia – Thu Bồn.	2	Có	Tuyển tập công trình Hội nghị Khoa học cơ học Thủy khí toàn quốc năm 2015			825-834	07/2015
9	Nghiên cứu sử dụng tổng hợp nguồn nước các hồ đập phục vụ chiến lược phát triển kinh tế xã hội thành phố Đà Nẵng trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 33, 50-60	06/2016

10	Xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa nước Ea đăng tỉnh Đắc Lắc ứng với các kịch bản xả lũ và đánh giá thiệt hại do ngập lụt gây ra	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895- 4255			Số 39, 46-53	07/2017
11	The solution for ensuring safe water supply for Da Nang city by the salty preventing dam on Cau Do river, downstream of Vu Gia river when considering the normal operation of hydropower projects at upstream and saline intrusion at downstream	3	Không	The 5th VietNam – Japan Workshop on Estuaries, Coasts and Rivers. ISBN: 978-604-82-2197-3			112- 118	09/2017

12	Applying of criteria set for evaluating risk of flood at spillways crossing river, pilot application for Oa river spillway, Quang Nam Province	2	Có	The 5th VietNam – Japan Workshop on Estuaries, Coasts and Rivers. ISBN: 978-604-82-2197-3			119-125	09/2017
13	Monitoring coastline change of Ly Son island (Quang Ngai, VietNam) using remotely sensed data and GiS	2	Không	The 5th VietNam – Japan Workshop on Estuaries, Coasts and Rivers. ISBN: 978-604-82-2197-3			197-202	09/2017

14	Nghiên cứu dự báo dòng chảy lũ và xây dựng đường quá trình xả lũ về hạ du cho các hồ chứa thuộc lưu vực sông Ba tỉnh Đắk Lắk ứng với các cấp độ mưa, Áp dụng điển hình cho hồ chứa nước Ea Knop huyện Ea Kar	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 40, 34-40	09/2017
15	Giải pháp đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối hồ chứa nước Hòa Trung khi xảy ra lũ cực hạn PMF	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 40, 95-106	09/2017

16	Ứng dụng mô hình Hec-HMS để dự báo dòng chảy lũ và xây dựng đường quá trình lũ về hạ du cho các hồ chứa thuộc lưu vực sông Sê Rê Pôk tỉnh Đắk Lắk: Áp dụng điển hình cho hồ chứa nước Đắk Minh – huyện Buôn Đôn	1	Có	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN 2525-2208			Số 681, 8-14	09/2017
17	Nghiên cứu ban đầu về hệ thống cảnh báo sớm ngập lũ tại các ngầm tràn khu vực miền Trung	3	Có	Tuyển tập công trình Hội nghị Khoa học cơ học Thủy khí toàn quốc lần thứ 21 năm 2018			887-893	07/2018

18	Đánh giá toàn diện và đề xuất giải pháp chống chịu với hạn hán, xâm nhập mặn và khai thác nước thượng nguồn đến hạ lưu sông Vu Gia - Thu Bồn thuộc TP Đà Nẵng	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 51, 9-25	12/2018
19	Ứng dụng mô hình Mike trong tính toán thủy văn, thủy lực mùa lũ lưu vực sông Sê San khi xét đến quy trình vận hành liên hồ chứa	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 51, 34-42	12/2018

20	Giải pháp cấp nước mặn phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng Nam Trung Bộ bằng trạm bơm và giếng lọc ngầm đặt trong bờ, áp dụng thí điểm cho công trình Hòa An, xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 51, 84-99	12/2018
21	Thực trạng và định hướng giải pháp cấp nước biển phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Nam Trung Bộ	6	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 51, 63-74	12/2018

22	Đánh giá khả năng cung cấp nước mặt của hệ thống sông suối phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong điều kiện biến đổi khí hậu đến năm 2030	2	Có	Tuyển tập Khoa học công nghệ 2014 -2019			68 -79	11/2019
23	Giải pháp và công nghệ thu, lọc nước biển sạch xa bờ phục vụ nuôi trồng thủy sản quy mô tập trung vùng ven biển Nam Trung Bộ, áp dụng thí điểm tại Ninh Thuận	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 57, 58 -72	12/2019
24	Establish a criteria set for assessing the flood risk at overflow bridge in Central Vietnam; Article Id - IJCIET_11_05_014	4	Có	International Journal of Civil Engineering and Technology (IJCIET) ISSN Print: 0976-6308 and ISSN Online: 0976-6316	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		Volume 11, Issue 5, 146-156,	05/2020

25	Nghiên cứu lập kế hoạch sử dụng nước cho các hồ chứa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo thời gian thực đề chủ động cấp nước cho sản xuất trong điều kiện thời tiết cực đoan	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 63, 41 - 53	12/2020
26	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc chuyển đổi rừng trồng sang rừng tự nhiên đến dòng chảy về các lưu vực sông, áp dụng cho lưu vực sông Cu Đê của thành phố Đà Nẵng	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 68, 24-32	10/2021
27	Nghiên cứu xây dựng bản đồ phân vùng nguy cơ sạt lở đất cho khu vực miền núi tỉnh Quảng Nam	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 68, 57-65	10/2021

28	Nghiên cứu phân chia các vùng đặc trưng về điều kiện tự nhiên tác động đến giải pháp cấp nước biển phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Nam Trung Bộ	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 69, 52 - 61	12/2021
29	Determining the Rational Dimension of Thoa River to Ensure Drainage During the Crop Period Considering Climate Change Conditions	2	Có	Hunan Daxue Xuebao/Journal of Hunan University Natural Sciences	Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus IF: Q2		Vol. 49, No. 4, 315-324	04/2022

30	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc xây dựng kè chống sạt lở khu du lịch sinh thái Nam Ô theo phương án quy hoạch tới khả năng thoát lũ của sông Cu Đê, thành phố Đà Nẵng	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 72, 17-28	06/2022
31	Nghiên cứu xác định nguyên nhân chính gây sạt lở đất và đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn cho khu vực trường THPT nội trú và thôn Aring của huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1895-4255			Số 72, 74-83	06/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS: 1 ([29])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Hệ thống cảnh báo sớm ngập lũ tại các ngầm tràn hoặc các công trình tương tự	Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	21/03/2022	Hoàng Ngọc Tuấn/ Nguyễn Văn Lực, Lê Văn Tuấn	3
2	Kết cấu nẹp giữ ổn định đường ống lọc dưới đáy biển phục vụ cấp nước nuôi trồng thủy sản	Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	12/05/2022	Hoàng Ngọc Tuấn/ Nguyễn Ngọc Vinh	2

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 1 2

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Năm học (2016-2017/67,5) và năm học (2018-2019/67,5)

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)